

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-ST
Ngày: 05/4/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Nhân;
- Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà A, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền; theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022, được Văn phòng công chứng L chứng nhận; có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, vào ngày 30/5/2022, bà D có cho ông Lê Văn T vay số tiền

450.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 7 ngày. Việc vay có làm giấy mượn nợ ngày 30/5/2022 do bà Trần Thị Kim D chuẩn bị mẫu, ông T viết nội dung, ký tên, ghi rõ họ và tên. Bà D trực tiếp giao tiền cho ông T. Để đảm bảo khoản vay, ông T có thể chấp cho bà D 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn T. Đến hạn trả nợ, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù bà D đã nhiều lần yêu cầu.

Vì vậy, bà D yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho bà D nợ gốc 450.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 30/5/2022 đến khi Tòa án xét xử; yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn T theo quy định pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ lãi trong hạn từ ngày 30/5/2022 đến ngày 06/6/2022. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu ông T trả cho bà D nợ gốc 450.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/6/2022 đến khi Tòa án xét xử; yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn T theo quy định pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy mượn nợ đề ngày 30/5/2022, có chữ ký, đề họ tên người vay Lê Văn T (bản photo); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn T (bản sao).

- Bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi phiên tòa được mở, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 30/5/2022, bà D có cho ông T vay số tiền 450.000.000 đồng, để đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 07 ngày. Ông T có thể chấp cho bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông T. Từ khi vay đến nay, ông T không trả nợ vốn và nợ lãi như đã thỏa thuận. Vì vậy, bà D yêu cầu ông T trả nợ gốc 450.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 30/5/2022 đến khi Tòa án xét xử; yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 30/5/2022 đến ngày 06/6/2022; chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 07/6/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, giấy mượn nợ ngày 30/5/2022 thể hiện ông T có vay của bà D số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 7 ngày, có chữ ký tên của bà D, ông T. Từ khi vay tiền đến nay, ông T không trả vốn và lãi cho bà D. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi trong quá trình giải quyết vụ án. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà D khởi kiện là có căn cứ.

Về lãi suất, do ông T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên bà D yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 30/5/2022 đến ngày 06/6/2022, do bà D đã rút lại yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông T được ông T giao cho bà D để làm tin trong việc vay tiền. Việc thế chấp giữa hai bên không tuân thủ việc đăng ký thế chấp theo quy định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự và các Điều 35, 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Cho nên, đề nghị tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu và buộc bà D giao trả cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 298, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 35, 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Buộc ông T có trách nhiệm trả bà D nợ gốc 450.000.000 đồng, tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Đình chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 30/5/2022 đến ngày 06/6/2022 của bà D. Buộc bà D trả lại cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị Kim D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T trả nợ vay. Ông T đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, vào ngày 30/5/2022, bà Trần Thị Kim D có cho ông Lê Văn T vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 07 ngày. Hai bên có lập biên nhận nợ ngày 30/5/2022 thể hiện việc vay. Để đảm bảo khoản vay, ông T thế chấp cho bà D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn T. Đến hạn, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù bà D nhiều lần yêu cầu.

Lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với nội dung biên nhận nợ ngày 30/5/2022 có chữ ký, chữ viết đề họ tên bên vay Lê Văn T.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có ban hành Thông báo số 08/TB-TA ngày 01/02/2023 yêu cầu ông T cung cấp lời khai và giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ đối với nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của bà D nhưng ông T không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định, ông T vay của bà D số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 07 ngày nhưng chưa thanh toán nợ.

[4] Về yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà D yêu cầu ông T trả cho bà D nợ gốc 450.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 30/5/2022 đến khi Tòa án xét xử.

Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu trả nợ lãi trong hạn từ ngày 30/5/2022 đến ngày 06/6/2022; chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 450.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/6/2022 đến khi Tòa án xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ lãi trong hạn theo quy định pháp luật từ ngày

30/5/2022 đến trước ngày 06/6/2022 theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu trả nợ còn lại, thấy rằng, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ và mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định pháp luật. Cho nên, bà D yêu cầu ông T trả nợ gốc 450.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 07/6/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự.

Nợ lãi quá hạn mà ông T phải thanh toán từ ngày 07/6/2022 đến ngày 05/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm): $450.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 1,5\%/\text{tháng} \times 9,93 \text{ tháng} = 100.541.250 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng nợ gốc và nợ lãi mà ông T phải thanh toán cho bà D là: $450.000.000 \text{ đồng} + 100.541.250 \text{ đồng} = 550.541.250 \text{ đồng}$.

[5] Về biện pháp bảo đảm:

Để bảo đảm khoản vay, ông T thế chấp cho bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông T. Tuy nhiên, việc thế chấp không được lập thành văn bản và không được công chứng hoặc chứng thực, đăng ký theo quy định tại Điều 502 Bộ luật Dân sự, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Cho nên, việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà D và ông T là vô hiệu.

Theo khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự, khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Vì vậy, buộc bà D trả lại ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông T theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà D là 26.021.650 đồng.

Bà D được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 131, 502, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim D về việc yêu cầu ông Lê Văn T trả nợ lãi trong hạn của số nợ gốc 450.000.000 đồng theo quy định pháp luật từ ngày 30/5/2022 đến ngày 06/6/2022.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim D.

2.1. Buộc ông Lê Văn T trả cho bà Trần Thị Kim D số nợ vay 550.541.250 (*năm trăm năm mươi triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Tuyên bố việc thế chấp quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn T giữa bà Trần Thị Kim D với ông Lê Văn T là vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị Kim D trả lại ông Lê Văn T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03391 ngày 26/02/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu 26.021.650 (*hai mươi sáu triệu, không trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm năm mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Kim D được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Kim D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình